

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: *38* /GPXD

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đông Dương

- Địa chỉ: 64 Võ Thị Sáu, Phường 2, thành phố Vũng Tàu

2. Được phép xây dựng các hạng mục nhà ở thuộc dự án Khu nhà ở cao cấp Vườn Xuân

- Địa điểm xây dựng: Tại Phường 12, thành phố Vũng Tàu;
- Đơn vị thiết kế: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng KONI;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Tổng diện tích đất: 71.737,57m² (khu đất giai đoạn 1);
- Tổng diện tích xây dựng: 15.081m²;
- Tổng diện tích sàn: 74.283m²;
- Mật độ xây dựng: 6% (trên tổng diện tích dự án 255.701,5m²).

Các hạng mục công trình gồm 18 dãy nhà, cụ thể:

2.1. Dãy LK1A nhà ở liên kế gồm 02 dãy nhà (tổng cộng 26 căn); mỗi dãy gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 2m so với lộ giới đường D2, N4 và N5; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy LK1A; kí hiệu LA1-AA-LK1A-101;
- Diện tích xây dựng: 1.005m²;
- Tổng diện tích sàn: 4.973m²;
- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;
- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

2.2. Dãy LK1B nhà ở liên kế gồm 02 dãy nhà (tổng cộng 24 căn); mỗi dãy gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 2m so với lộ giới đường D5, N4 và N5; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy LK1B; kí hiệu LA1-AA-LK1B-101;
- Diện tích xây dựng: 927m²;
- Tổng diện tích sàn: 4.594,5m²;
- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;



- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

2.3. Dãy LK2A nhà ở liên kế gồm 02 dãy nhà (tổng cộng 22 căn); mỗi dãy gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 2m so với lộ giới đường N4 và N5; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy LK2A; kí hiệu LA1-AA-LK2A-101;
- Diện tích xây dựng: 858m²;
- Tổng diện tích sàn: 4.164m²;
- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;
- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

2.4. Dãy LK2B nhà ở liên kế gồm 02 dãy nhà (tổng cộng 22 căn); mỗi dãy gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 2m so với lộ giới đường D2, N4 và N5; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy LK2B; kí hiệu LA1-AA-LK2B-101;
- Diện tích xây dựng: 849m²;
- Tổng diện tích sàn: 4.215,5m²;
- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;
- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

2.5. Dãy LK3A nhà ở liên kế gồm 02 dãy nhà (tổng cộng 32 căn); mỗi dãy gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 2m so với lộ giới đường D2, N3A và N4; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy LK3A; kí hiệu LA1-AA-LK3A-101;
- Diện tích xây dựng: 1.033m²;
- Tổng diện tích sàn: 5.051,5m²;
- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;
- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

2.6. Dãy LK3B nhà ở liên kế gồm 02 dãy nhà (tổng cộng 28 căn); mỗi dãy gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 2m so với lộ giới đường D5, N3A và N4; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy LK3B; kí hiệu LA1-AA-LK3B-101;
- Diện tích xây dựng: 916m²;
- Tổng diện tích sàn: 4.494m²;

- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;
- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

2.7. Dãy LK4B nhà ở liên kế gồm 02 dãy nhà (tổng cộng 28 căn); mỗi dãy gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 2m so với lộ giới đường D2, N3A và N4; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy LK4B; kí hiệu LA1-AA-LK4B-101;
- Diện tích xây dựng: 916m²;
- Tổng diện tích sàn: 4.494m²;
- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;
- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

2.8. Dãy LK6 nhà ở liên kế gồm 01 dãy nhà (tổng cộng 09 căn); gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 2m so với lộ giới đường N2; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy LK6; kí hiệu LA1-AA-LK6-101;
- Diện tích xây dựng: 585m²;
- Tổng diện tích sàn: 2.826m²;
- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;
- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

2.9. Dãy TM-VP1 nhà phố kết hợp thương mại gồm 01 dãy nhà (tổng cộng 08 căn nhà); gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 3m so với lộ giới đường N1; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy TM-VP1; kí hiệu LA1-AA-TM-VP1-101;
- Diện tích xây dựng: 600m²;
- Tổng diện tích sàn: 2.966m²;
- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;
- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

2.10. Dãy TM-VP2A nhà phố kết hợp thương mại gồm 01 dãy nhà (tổng cộng 05 căn nhà); gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 3m so với lộ giới đường D1; 2m so với lộ giới đường N1 và N2; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy TM-VP2A; kí hiệu LA1-AA-TM-VP2A-101;
- Diện tích xây dựng: 442m²;

- Tổng diện tích sàn: 2.259m²;
- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;
- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

2.11. Dãy TM-VP2B nhà phố kết hợp thương mại gồm 01 dãy nhà (tổng cộng 05 căn nhà); gồm các nội dung như sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: +0,45m so với cao độ nền vỉa hè hoàn thiện;
- Chỉ giới xây dựng: 3m so với lộ giới đường D1; 2m so với lộ giới đường N2 và N3A; như bản vẽ Mặt bằng định vị dãy TM-VP2B; kí hiệu LA1-AA-TM-VP2B-101;
- Diện tích xây dựng: 446m²;
- Tổng diện tích sàn: 2.259m²;
- Chiều cao công trình: 14,95m tính từ nền vỉa hè hoàn thiện lên đến đỉnh mái cao nhất;
- Số tầng: 04 tầng + tum thang.

Lưu ý: Không được phép xây dựng công, tường rào của tất cả các dãy nhà nằm ngoài chỉ giới xây dựng.

3. Giấy tờ về đất đai:

- Quyết định số 2220/QĐ-UBND ngày 28/08/2019 của UBND tỉnh về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; diện tích 54.695,5m² (kèm theo vị trí khu đất);
- Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; diện tích 15.677,6m² (kèm theo vị trí khu đất).

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Chưa khởi công.

5. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 19 tháng 5 năm 2020

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra SXD;
- UBND TPVT;
- Lưu VT – QHKT (QH6).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Mai Trung Hưng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
 2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
 3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
 4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
 5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
-

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:
.....
.....
.....
.....
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:.....

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày.....tháng năm 201...

GIÁM ĐỐC

